

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Bích Huệ

Thực hiện:
Thượng tá, CN Lê Như Thủy
Thượng úy CN Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn sách mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân **“Thư mục thông báo tài liệu mới”** số 1 - 2014.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Thông báo tài liệu mới: giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn, tư liệu, luận văn mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN THƯ MỤC MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 04.66624724 - 069.554556

FAX: 043.8235130

Website: Thuvienquandoi.vn

Email: Thuvienquandoi@Gmail.com

PHẦN I: GIỚI THIỆU TÀI LIỆU MỚI

0 – TỔNG LOẠI

001 – Khoa học nói chung

001. Quyền lực tri thức trong tư tưởng chính trị của Alvin Toffler / Ông Văn Nam chủ biên, Lý Hoàng Ánh. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 271tr. ; 21cm

001.6+32/73393/73394

002. Đổi mới tổ chức và hoạt động thông tin khoa học ở Học viện Hậu cần trong giai đoạn hiện đại hóa quân đội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Đỗ Duy Hưng. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 102tr. ; 30cm

001.8/LAV 7074

003. Nghiên cứu thị trường thông tin khoa học công nghệ trên địa bàn Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Vũ Thùy Trang. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 125tr. ; 30cm

001.8/LAV 7070

004. Hoạt động chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các trường đại học khối kỹ thuật trên địa bàn Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Hoàng Ngọc Chi. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 134tr. ; 30cm

001.81(V)/LAV 7078

005. Tăng cường hoạt động thông tin khoa học quân sự ở Học viện Quốc phòng trong thời kỳ hội nhập quốc tế: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Đỗ Thị Thu Thủy. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 133tr. ; 30cm

001.81(V)+355(V)5/LAV 7075

006. Phát triển nguồn lực thông tin số tại các thư viện thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Vũ Thị Lê. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2012. - 150tr. ; 30cm

001.83/LAV 7067

007. Tài liệu số tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phạm Thị Thu. - H. : Trường Đại học Văn hoá, 2011. - 126tr. ; 30cm

001.83/LAV 7066

008. Nâng cao hiệu quả công tác phục vụ người dùng tin của Thư viện Quốc gia Việt Nam: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Nguyễn Xuân Dũng. - H. : Trường Đại học Văn hoá, 2011. - 114tr. ; 30cm

001.85/LAV 7064

009. Nâng cao hiệu quả hoạt động tra cứu thông tin tại Thư viện Quốc gia Việt Nam: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Nguyễn Thị Hồng Vân. - H. : Trường Đại học Văn hoá, 2011. - 127tr. ; 30cm

001.85/LAV 7065

010. Nghiên cứu nhu cầu tin tại Trung tâm thông tin thư viện - Đại học Quốc gia Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Nguyễn Bích Hạnh. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 122tr. ; 30cm

001.85/LAV 7076

011. Nghiên cứu nhu cầu tin và khả năng đáp ứng thông tin cho người dùng tin tại Học viện Kỹ thuật Quân sự: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phạm Thị Lan Ngọc. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 120tr. ; 30cm

001.85/LAV 7073

012. Văn minh lạc Việt / Nguyễn Duy Hình. - H. : Văn hóa thông tin, 2013. - 447tr. ; 21cm

001(09)/73401/73402

013. Western civilization: sources, images and interpretation, from the renaissance to the present / Dennis Sherman. - 7th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 225p. ; 28cm

Vol. II: since 1660

001(09)/AV 11360/AV 11359

02 – Thư viện học

014. Khảo sát ứng dụng phần mềm LIBOL6.0 tại Trung tâm thông tin thư viện - Đại học Kinh tế Quốc dân: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phạm Thị Thanh Mai. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 123tr. ; 30cm

021(V)+6T7.3-018.5/LAV 7077

015. Nghiên cứu công tác lưu trữ xuất bản phẩm tại Thư viện Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2000-2010: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Đỗ Thị Thu Hiền. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 110tr. ; 30cm

021(V)/LAV 7069

016. Tổ chức và quản lý Trung tâm thông tin thư viện - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phạm Phương Hảo. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2012. - 108tr. ; 30cm

021(V)/LAV 7072

017. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tạp chí tại Thư viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Hoàng Thị Kim Sinh. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2012. - 136tr. ; 30cm

024.2+001.83/LAV 7068

018. Nghiên cứu công tác phát triển nguồn lực thông tin tại Ban Tư liệu - Viện Mỹ thuật: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Vũ Thị Việt Nga. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 98tr. ; 30cm

025.21/LAV 7071

019. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện của Trường Đại học Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Đặng Thị Thu Hiền. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 104tr. ; 30cm

027/LAV 7079

020. Nguồn nhân lực trong mạng lưới thư viện công cộng trên địa bàn Hà Nội: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phạm Thị Bích Ngọc. - H. : Trường Đại học Văn hóa, 2011. - 127tr. ; 30cm

027/LAV 7080

1 – TRIẾT HỌC – TÂM LÝ HỌC – LÔGIC HỌC

1D – Triết học Mác – Lênin

021. Hướng dẫn học tập những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin / Chủ biên: Trần Thanh Quang, Trần Văn Riễn, Nguyễn Hữu Quyền. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

T.1 - 113tr.

1D(075)/V 13594/V 13595

T.2 - 261tr.

1D(075)/V 13600/V 13601

1DL – Chủ nghĩa duy vật lịch sử

022. Giáo trình đạo đức học Mác – Lênin: Dành cho đào tạo cán bộ quân đội, bậc đại học / Chủ biên: Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Hùng Oanh. - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 158tr. ; 27cm

1DL.72(075)/V 13566/V 13567

023. Thinking critically about ethical issues / Vincent Ryan Ruggiero. - 7th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 202p. ; 23cm

1DL.72/AV 11361

1T – Lịch sử triết học và xã hội học

024. Khởi nguồn từ dân tộc bé nhỏ - trí tuệ vĩ đại / Trần Nhu. - H. : Công an nhân dân, 2013. - 419tr. ; 21cm

1T(N518.2)/73448/73449

025. Tư tưởng biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại / Đinh Thanh Xuân. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 259tr. ; 21cm

1T1.2/73389/73390

15 – Tâm lý học

026. Giáo trình tâm lý học quân sự: Dành cho đào tạo cán bộ chính trị, bậc đại học / Cao Xuân Trung chủ biên, Trương Quang Học,... - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 254tr. ; 27cm

158.9(075)/V 13556/V 13557

2 – CHỦ NGHĨA VÔ THẦN. TÔN GIÁO

29 – Lịch sử tôn giáo

027. Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện / Lê Tâm Đắc, Nguyễn Đại Đồng. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 344tr. ; 21cm

293/73387/73388

3K – CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

3K – Chủ nghĩa Mác – Lênin. Các Đảng cộng sản

028. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nhà nước với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Sách chuyên khảo / Trần Ngọc Liêu. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 271tr. ; 21cm

3K+34(V)/73371/73372

3K5H – Hồ Chí Minh

029. Đạo đức Hồ Chí Minh - Gương sáng cho muôn đời / Trần Nhu chủ biên, Trần Nhật Quang. - H. : Công an nhân dân, 2013. - 247tr. ; 21cm

3K5H6/73450/73451

030. Góp phần nhỏ vào cuộc vận động lớn: Những bài viết về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng / Nguyễn Xuân Thông. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 174tr. ; 19cm

3K5H6+3KV3/73379/73380

031. Hồ Chí Minh - Người là ánh sáng soi đường. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 262tr. ; 21cm

3K5H6/73321/73322

032. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay: Sách chuyên khảo / Hoàng Anh chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 219tr. ; 21cm

3K5H6+37(V)/73351/73352

3KV – Đảng Cộng sản Việt Nam

033. Chị Minh Khai: Truyện kí / Nguyệt Tú. - Tái bản lần thứ 6. - Gia Lai : Hồng Bàng, 2013. - 175tr. ; 21cm

3KV1(092)+V24/73444/73445

034. Hỏi - đáp về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của các tổ chức đảng ở cơ sở / Tô Quang Thu chủ biên. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 167tr. ; 21cm

3KV3/73355/73356

035. Làm người cộng sản trong giai đoạn hiện nay / Chủ biên: Tô Huy Rứa, Trần Khắc Việt. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 338tr. ; 21cm

3KV3/73430/73431

036. Nâng cao chất lượng đảng bộ xã trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn: Sách chuyên khảo / Dương Trung Ý. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 334tr. ; 21cm

3KV3/73367/73368

037. Quy chế chất vấn trong Đảng. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 35tr. ; 19cm

3KV3/73377/73378

038. Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 83tr. ; 19cm

3KV3/73375/73376

039. Một số vấn đề về "Diễn biến hoà bình" và chống "Diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá / Nguyễn Mạnh Hưởng. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 299tr. ; 21cm

3KV4+38(V)/LC 12340/LC 12341

3 - CÁC KHOA HỌC XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ

30 – Các khoa học xã hội

040. Biến đổi về xã hội và văn hoá ở các làng quê trong quá trình đô thị hoá tại Hà Nội / Trần Thị Hồng Yến. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 315tr. ; 21cm

301(V)+38(V)/73341/73342

041. Handbook of military social work / Allen Rubin, Eugenia L. Weiss, Jose E. Coll. - Hoboken : Wiley, 2013. - 566p. ; 25cm

301.5(N711)/AV 11302

31 – Thống kê. Hoạch toán. Phân tích kinh tế

042. *Security and Migration in the 21st century* / Elspeth Guild. - Malden : Polity, 2009. - 218p. ; 23cm

312.4+327.03/AV 11295

32 – Chính trị. Khoa học chính trị

043. *Góp phần phát triển tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc* / Nguyễn Bá Dương. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 258tr. ; 21cm

32(V)2/73327/73328

044. *Tính phổ biến và đặc thù của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* / Chủ biên: Nguyễn Hữu Đồng, Phạm Thế Lực. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 231tr. ; 21cm

32(V)2/73357/73358

045. *Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Hà Tĩnh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 175tr. ; 25cm

32(V)76/V 13624

046. *Văn kiện Đại hội Đại biểu Công đoàn Quân đội lần thứ VIII (2013 - 2018)*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 106tr. ; 19cm.

Lưu hành nội bộ

32(V)77(060)/73308/73309/LC 12375/LC 12376

047. *Đối ngoại quốc phòng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / Hoàng Thị Thêm. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 100tr. ; 29cm

32(V)8+355(V)/LAV 7085

048. *Hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / Nguyễn Thị Thu Thủy. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 92tr. ; 29cm

32(V)8/LAV 7095

049. *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sau chiến tranh lạnh* / Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Tất Giáp. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 231tr. ; 21cm

32(V)8+32(N413)/73339/73340

050. *Chủ nghĩa khu vực Đông Á: lý luận và thực tiễn*: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / Nguyễn Xuân Ánh. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 96tr. ; 29cm

32(N41)/LAV 7116

051. *An ninh năng lượng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI*: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / Lưu Việt Hà. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 93tr. ; 29cm

32(N414)/LAV 7097

052. *Chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam trong giai đoạn 1975 đến 1991*: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / Lê Thị Hồng Hạnh. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 119tr. ; 29cm

32(N414)+9:327/LAV 7089

053. Nhân tài - nguồn tài nguyên số 1: Sách tham khảo / *Ng.dịch: Ngọc Dao, Hải Anh.* - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 310tr. ; 21cm

32(N414)+37(N414)/73343/73344

054. Quá trình thực hiện chiến lược "trỗi dậy hòa bình" trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Phạm Thanh Bình.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 105tr. ; 29cm

32(N414)/LAV 7087

055. Chính sách của Lào đối với Việt Nam từ 1975 đến 2010: Luận văn thạc sĩ: 60.31.40 / *Hatsakhone Phachansitthi.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 76tr. ; 29cm

32(N441)/LAV 7111

056. "Mùa xuân Ả-Rập" tại Trung Đông - Bắc Phi và những hệ lụy: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Phạm Bích Thủy.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 85tr. ; 29cm

32(N47)+32(N61)/LAV 7102

057. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương từ đầu thế kỷ XXI đến nay: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Lê Đức Trung.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 97tr. ; 29cm

32(N519.1)/LAV 7104

058. Tính thực dụng trong chính sách đối ngoại của Nga giai đoạn 2000-2010: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Nguyễn Thị Thanh Hải.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 99tr. ; 29cm

32(N519.1)/LAV 7107

059. Chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Bùi Quang Anh.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 102tr. ; 29cm

32(N711)/LAV 7105

060. Chính sách của Mỹ đối với cộng đồng Hồi giáo ở Trung Đông sau sự kiện 11/9/2001: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Trần Thị Thu Hà.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 94tr. ; 29cm

32(N711)/LAV 7108

061. Chính sách đối với vấn đề biển Đông của chính quyền Obama: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Trịnh Quốc Dũng.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 127tr. ; 29cm

32(N711)/LAV 7100

062. Chính sách Đông Nam Á của chính quyền Obama: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Nguyễn Thu Trang.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 98tr. ; 29cm

32(N711)/LAV 7093

- 063. Ngoại giao công chúng Mỹ từ sau sự kiện 11/9/2011 đến nay:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Đào Quyền Trưởng*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 76tr. ; 29cm
32(N711)/LAV 7110
- 064. Vấn đề biến đổi khí hậu trong chiến lược an ninh quốc gia Mỹ thời Obama:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Trần Thu Hằng*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 90tr. ; 29cm
32(N711)/LAV 7117
- 065. Ảnh hưởng của việc Trung Quốc hiện đại hóa quân sự đối với an ninh khu vực Đông Bắc Á:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Lê Ngọc Tân*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 103tr. ; 29cm
327+355(N414)/LAV 7096
- 066. Bước tiến triển của quan hệ Việt Nam - Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI:** Luận văn thạc sĩ quốc tế học: 60.31.40 / *Cao Thị Thu Trang*. - H. : Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, 2010. - 157tr. ; 29cm
327/LAV 6558
- 067. Kiến trúc an ninh châu Á - Thái Bình Dương:** thực trạng và triển vọng: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Trần Hữu Duy Minh*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 79tr. ; 29cm
327/LAV 7114
- 068. Lợi ích quốc gia của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Ngô Quang Anh*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 80tr. ; 29cm
327/LAV 7088
- 069. Quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Nghiêm Việt Chung*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 134tr. ; 29cm
327/LAV 7083
- 070. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thập niên đầu thế kỷ XXI:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Lê Đức Anh Tuấn*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 75tr. ; 29cm
327/LAV 7106
- 071. Quan hệ Mỹ - EU sau sự kiện 11/9/2001:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Nguyễn Thị Hòa Mai*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 76tr. ; 29cm
327/LAV 7115
- 072. Quan hệ Nga - Việt dưới thời tổng thống Dmitry Medvedev:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *An Thị Ngọc Bích*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 90tr. ; 29cm
327/LAV 7112
- 073. Start-II và những hệ lụy liên quan tới quan hệ Nga - Mỹ:** Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Bùi Phúc Long*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 87tr. ; 29cm
327/LAV 7091

074. Tác động của an ninh phi truyền thống trong quan hệ Mỹ - ASEAN sau sự kiện 11/9/2001: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Đinh Thị Hiền Vân*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 98tr. ; 29cm

327/LAV 7103

075. Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến an ninh khu vực Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Phạm Văn Mỹ*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 98tr. ; 29cm

327/LAV 7092

076. Thổ Nhĩ Kỳ, Angiêri, Iran và khả năng hợp tác với Việt Nam / Đỗ Đức Định chủ biên. - H. : Khoa học xã hội, 2013. - 210tr. ; 21cm

327+32(V)8/73438/73439

077. Vai trò của Ấn Độ đối với an ninh châu Á- Thái Bình Dương từ năm 2000 đến nay: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Lê Tuyết Nga*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 112tr. ; 29cm

327+32(N461)/LAV 7098

078. Vai trò của nhóm Brics trong nền chính trị quốc tế đương đại: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Đào Vũ Hợp*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 119tr. ; 29cm

327/LAV 7109

079. Vấn đề chất độc da cam trong quan hệ Việt - Mỹ: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Nguyễn Thị Ngọc Hà*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 89tr. ; 29cm

327/LAV 7084

080. Cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động của nghị viện Châu Âu / Đặng Minh Đức. - H. : Khoa học xã hội, 2013. - 255tr. ; 21cm

327.51/73436/73437

081. Tiến trình xây dựng cộng đồng an ninh ASEAN: Luận văn thạc sĩ quốc tế học: 60.41.30 / *Trần Ánh Phương*. - H. : Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, 2010. - 137tr. ; 30cm

327.51/LAV 7082

082. Tổ chức hợp tác Thượng Hải và vai trò của Nga trong tổ chức này: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Chu Thị Vân Anh*. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 103tr. ; 29cm

327.51/LAV 7113

083. Sideshow: Kissinger, Nixon and the destruction of Cambodia / William Shawcross. - London : The Hogarth, 1986. - 524p. ; 20cm

32(N442)+9(N442)/A 12915

084. Kashmir: new voices, new approaches / Waheguru Pal Singh Sidhu, Bushra Asif, Cyrus Samii. - Boulder : Lynne Rienner, 2006. - 291p. ; 23cm

32(N461)/AV 11364

085. *The last line of defense*: the new fight for American liberty / Ken Cuccinelli, Brian J. Gottstein. - New York : Amazon, 2013. - 260p. ; 24cm

32(N711)/AV 11314

086. *We the people: a concise introduction to American politics* / Thomas E. Patterson. - 7th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 729p. ; 23cm

32(N711)/AV 11352

087. *Global issues 2008/2009* / Robert M. Jackson. - 24th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 189p. ; 28cm

327/AV 11337

088. *Humanitarian intervention: ideas in action.* / Thomas G. Weiss. - 2nd ed.. - Malden : Polity, 2012. - 226p. ; 21cm. - (War and conflict in the modern world)

327/A 12909

089. *International mediation* / J. Michael Greig; Paul F. Diehl. - Malden : Polity, 2012. - 224p. ; 21cm. - (War and conflict in the modern world)

327/A 12904

090. *International security & gender* / Detraz, Nicole. - Malden : Polity, 2012. - 255p. ; 22cm

327+156.3/A 12907

091. *Army security cooperation handbook.* - Washington : Amazon, 2013. - 93p. ; 28cm

327.03+355/AV 11311

092. *Contemporary conflict resolution* / Oliver Ramsbotham, Tom Woodhouse, Hugh Miall. - 3rd ed.. - Malden : Polity, 2011. - 507p. ; 25cm

327.03/AV 11298

093. *International security* / Roland Dannreuther. - 2nd ed.. - Malden : Polity, 2013. - 336p. ; 25cm

327.03/AV 11296

094. *Peace Processes: A Sociological approach* / John D. Brewer. - Malden : Polity, 2010. - 237p. ; 23cm

327.03/AV 11292

095. *Peacebuilding*: Preventing violent conflict in a complex world / Dennis J. D.Sandole. - Malden : Polity, 2010. - 251p. ; 21cm. - (War and conflict in the modern world)

327.03/A 12908

096. *Sexual violent and armed conflict* / Janie L. Leatherman. - Malden : Polity, 2011. - 244p. ; 21cm. - (War and conflict in the modern world)

327.03+156.3/A 12906

097. *Security challenges and military politics in East Asia: from state building to post-democratization* / Jongseok Woo. - New York : Continuum, 2011. - 221p ; 23cm

327.07/AV 11318

098. *The Routledge handbook of civil-military relations* / Thomas C. Bruneau, Florina Cristiana Matei. - London : Routledge, 2013. - 374p. ; 25cm

327.07/AV 11313

099. *OB West, Atlantic wall to Siegfried line: A study in command.* - [s.l] : Amazon, 1948. - 145p. ; 25cm

Vol. I, II, III; Part 1

327.51+355(T93)/AV 11323

Vol. I, II, III; Part 2

327.51+355(T93)/AV 11324

33 – Kinh tế. khoa học kinh tế

100. *Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay* / Đỗ Huy Hà chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 169tr. ; 21cm

33(V)/73369/73370

101. *Kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng ở Tây Nguyên giai đoạn 1996 - 2010* / Lê Nhị Hoà. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 254tr. ; 21cm

33(V)+355(V)/73397/73398

102. *Pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam*: Sách chuyên khảo / Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 250tr. ; 21cm

33(V)311/73347/73348

103. *Hợp tác quốc tế tiểu vùng Mê Công mở rộng và sự tham gia của Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế: 60.31.40 / Lê Diệu Linh. - H. : Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2012. - 110tr. ; 30cm

33(T)02/LAV 7081

104. *Những vấn đề về sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai trong giai đoạn hiện nay*: Sách tham khảo / Vũ Văn Phúc chủ biên. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 266tr. ; 21cm

333.1+34(V)3/73349/73350

105. *Sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam sau khi gia nhập WTO*: Sách tham khảo / Đoàn Duy Khương chủ biên. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 246tr. ; 21cm

334(V)/73345/73346

106. Tiến trình hội nhập thị trường chứng khoán Việt Nam vào thị trường chứng khoán Asean đến năm 2020: Sách chuyên khảo / *Trần Quang Phú*. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 282tr. ; 21cm

336.76/73353/73354

107. Khu kinh tế tự do - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo / *Cù Chí Lợi chủ biên*. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 250tr. ; 21cm

339.17/73432/73433

108. Managing human resources: productivity, quality of work life, profits / *Wayne F. Cascio*. - 8th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2010. - 719p ; 26cm

331.50/AV 11342

109. Operations management / *William J. Stevenson*. - 10th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 906p. ; 28cm

335.1/AV 11343

110. Profit at the bottom of the ladder: creating value by investing in your workforce / *Jody Heymann, Magda Barrera*. - Boston : Harvard Business, 2010. - 268p. ; 24cm

331.50/AV 11356

111. The private equity edge: how private equity players and the world's top companies build value and wealth / *Arthur B. Laffer, William J. Hass, Shepherd G. Pryor IV*. - New York : McGraw-Hill, 2009. - 410p. ; 23cm

334.01/AV 11353

112. Strategic management: creating competitive advantages / *Gregory G. Des, G. T. Lumpkin, Alan B. Eisner*. - 5th ed.. - New York : McGraw-Hill, 2010. - 526p. ; 26cm

335.1/AV 11357

113. The silver lining: an innovation playbook for uncertain times / *Scott D. Anthony*. - Boston : Harvard Business, 2009. - 210p. ; 21cm

335.1+001/A 12913

114. Personal finance / *Jack R. Kapoor, Les R. Dlabay, Robert J. Hughes*. - 9th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 777p. ; 28cm

336/AV 11336

115. Principles of taxation for business and investment planning / *Sally M. Jones, Shelley C. Rhoades-Catanach*. - New York : McGraw-Hill, 2011. - 613p. ; 26cm

336.2/AV 11350

34 – Pháp luật. Khoa học về pháp luật

116. Những vấn đề lý luận cơ bản về quan hệ pháp luật / *Lê Vương Long*. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 175tr. ; 21cm

34/73363/73364

117. Giáo trình pháp luật: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội / *Đặng Thế Vinh chủ biên, Dương Thế Bằng,....* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 254tr. ; 27cm
34(075)/V 13568/V 13569

118. Giáo trình soạn thảo văn bản: Giáo trình dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự cấp phân đội / *Phạm Văn Vinh.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 209tr. ; 27cm
Lưu hành nội bộ
34(075)/V 13564/V 13565

119. Hỏi đáp về luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 138tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)
34(V)/LC 12360/LC 12361

120. Hỏi đáp về luật khiếu nại, luật tố cáo, luật thanh tra. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 102tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)
34(V)/LC 12222/LC 12223/73300/73301

121. Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 và văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 150tr. ; 19cm
34(V)/73373/73374

122. Pháp luật về đấu giá hàng hoá trong thương mại ở Việt Nam: Sách chuyên khảo / *Nguyễn Mạnh Cường.* - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 290tr. ; 19cm
34(V)/73381/73382

123. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ: Từ năm 1946 đến năm 1992. - H. : Lao động Xã hội, 2013. - 339tr. ; 19cm
34(V)01/73426/73427

124. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo yêu cầu của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Sách tham khảo / *Nguyễn Nam Hà.* - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 358tr. ; 21cm
34(V)045.1/73365/73366

125. Giáo trình quản lý nhà nước: Dùng cho đào tạo chính uỷ cấp Trung, Sư đoàn / *Chủ biên: Lương Thương Quyến, Phạm Xuân Mát.* - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 191tr. ; 27cm
Lưu hành nội bộ
34(V)(075)/V 13554/V 13555

126. Bộ quy tắc ứng xử cho công chức cấp phường - Kinh nghiệm thành phố Hồ Chí Minh / *Đỗ Thị Ngọc Lan.* - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 83tr. ; 21cm
34(V)1/73359/73360

127. Hỏi đáp về luật cán bộ, công chức. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 125tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)1/LC 12358/LC 12359

128. Hỏi đáp về luật tổ tụng hành chính, luật xử lý vi phạm hành chính. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 181tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)1/LC 12216/LC 12217/73302/73303

129. Tập bài giảng luật tổ tụng hành chính Việt Nam / Lê Thị Bích Chi. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 508tr. ; 21cm

34(V)1(075)/73385/73386

130. Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo / Nguyễn Quốc Sửu. - H. : Chính trị Quốc gia, 2013. - 370tr. ; 21cm

34(V)134/73391/73392

131. Hỏi đáp về luật nhà ở. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 265tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)41/LC 12364/LC 12365

132. Hỏi đáp về luật thi hành án dân sự. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 199tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)64/LC 12356/LC 12357

133. Hỏi đáp về luật nhà ở. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 110tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)7/LC 12362/LC 12363

134. Hỏi đáp về luật phòng, chống bạo lực gia đình. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 136tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)7/LC 12352/LC 12353

135. Các văn bản quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng và các chế độ chi tiêu khác. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 1351tr. ; 27cm.

Lưu hành nội bộ

34(V)9/V 13620/V 13621

136. Hỏi đáp về luật viên chức, luật công đoàn, bộ luật lao động. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 134tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)9/LC 12224/LC 12225

137. Hỏi đáp về luật bảo hiểm y tế. - In lần thứ 2. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 137tr. ; 21cm. - (Tủ sách pháp luật)

34(V)96/LC 12354/LC 12355

138. Introduction to Law & paralegal studies / Connie Farrell Scuderi. - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 311p. ; 28cm. - (McGraw-Hill Paralegal titles)

34(N711)/AV 11348

139. *Intelligence in an insecure world* / Peter Gill, Mark Phythian. - Malden : Polity, 2012. - 264p. ; 25cm

341.186+355.03/AV 11297

36 – Bảo trợ xã hội

140. *An sinh xã hội Bắc Âu trong cuộc khủng hoảng toàn kinh tế toàn cầu và bài học cho Việt Nam* / Đinh Công Tuấn, Đinh Công Hoàng. - H. : Khoa học xã hội, 2013. - 275tr. ; 21cm

36(N)/73434/73435

37 – Giáo dục. Khoa học sư phạm

141. *Giáo trình lịch sử giáo dục thế giới và Việt Nam: Dành cho đào tạo giảng viên giáo dục học bậc đại học* / Chủ biên: Phạm Minh Thụ, Trần Đình Tuấn. - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 231tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

37(075)/V 13558/V 13559

142. *Peak performance: success in college and beyond* / Sharon K. Ferrett. - 7th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2010. - 530p. ; 28cm

378/AV 11339

38 – Văn hóa. Văn hóa học

143. *Tính hiện đại và chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời cận đại*: Sách tham khảo / Đỗ Quang Hưng chủ biên, Trần Viết Nghĩa. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 391tr. ; 21cm

38(V)/73395/73396

144. *Tháp cổ Việt Nam*: Tái bản lần thứ 1 / Nguyễn Duy Hình. - H. : Văn hóa thông tin, 2013. - 287tr. ; 21cm

380.4+721.31/73403/73404

39 – Công tác văn hóa quần chúng

145. *Public relation: the profession and the practice* / Dan Lattimore, Otis Baskin, - 3rd ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 424p. ; 26cm

392/AV 11358

355 - QUÂN SỰ - KHOA HỌC QUÂN SỰ

146. *Militarism and international relations*: Political economy, security, theory / Anna Stavrianakis, Jan Selby. - London : Routledge, 2013. - 212p. ; 24cm

355+327.03/AV 11321

- 147. *Military legitimacy*: might and right in the new millennium / Rudolph C. Barnes. - London : Routledge, 1996. - 199p. ; 24cm
355+34(N711)/AV 11319**
- 148. *What is military history?* / Stephen Morillo; Michael F. Pavkovic. - 2nd ed.. - Malden : Polity, 2013. - 165p. ; 22cm
355(09)/A 12905**
- 149. *China's active defense strategy and its regional impact*: U.S. - China economic and security review commission. - Washington : Amazon, 2011. - 91p. ; 28cm
355(N414).03+327/AV 11310**
- 150. *American military history*: a documentary reader / Brad D. Lookingbill. - Malden : Wiley-Blackwell, 2011. - 376p. ; 25cm
355(N711)(09)/AV 11303**
- 151. *Handbook of military symbols* / Peter T. Underwood. - New York : Skyhorse, 2013. - 394p. ; 28cm
355(N711)/AV 11309**
- 152. *U.S army guide to rigging*. - Washington : Skyhorse, 2013. - 176p ; 21cm
355(N711).9+6C5.612 /A 12911**
- 153. *Unlikely warriors*: the army security agency's secret war in Vietnam 1961-1973 / Lonnie M. Long, Gary B. Blackburn. - Bloomington : iUniverse, 2013. - 473p. ; 23cm
355(N711)+355(V)(09)22/AV 11317**
- 154. *Survival*. - Washington : Martino, 2010. - 285p. ; 23cm
355.5/AV 11316**
- 155. *Герои особого назначения*: Спецназ Великой отечественной / А. Зевелев, Ф. Курлат. - М. : Яуза, 2013. - 448с. ; 20cm
355(N519.1)+9(T)72+N(519.1)4/X 26905**
- 156. *Командир разведгруппы*: За линией фронта / Анатолий Терещенко. - М. : Яуза, 2013. - 384с. ; 20cm. - (Бойцы невидимого фронта. Спецслужбы Сталина)
355(N519.1) +N(519.1)4/X 26907**

355.01 – Học thuyết về chiến tranh

- 157. *Về học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh* / Bùi Phan Kỳ chủ biên, Bùi Đình Bôn, Đỗ Trình. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 466tr. ; 21cm
355.01/73383/73384**
- 158. *Understanding military doctrine*: a multidisciplinary approach / Harald Hoiback. - New York : Routledge, 2013. - 256p. ; 24cm
355.01/AV 11320**

355.03 – Nghệ thuật quân sự

159. War in world history: society, technology and war from acient times to the present / Stephen Morillo, Jeremy Black, Paul Lococo. - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 301p. ; 26cm

Vol. 1, To 1500

355.03+9(T)/AV 11363

355(V) – Các lực lượng vũ trang Việt Nam

160. Phát triển ý thức quốc phòng của học viên, sinh viên nước ta hiện nay: Sách chuyên khảo / Dương Quang Hiến. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 183tr. ; 21cm

355(V)+37(V)/73290/73291

161. Các trận không chiến trên bầu trời miền Bắc Việt Nam (1965 - 1973) / Nguyễn Sỹ Hưng, Nguyễn Nam Liên. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. ; 21cm

T.1 - 267tr.

355(V)74+355(V)(09)22/LC 12322/LC 12323

T.2 - 279tr.

355(V)74+355(V)(09)22/LC 12324/LC 12325

162. 25 trận bắn rơi máy bay B.52 Mỹ trên bầu trời Hà Nội cuối tháng 12 năm 1972 / Biên soạn: Nguyễn Đình Kiên, Phùng Đức Nghiệp,... - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 100tr. ; 25cm. - (40 năm chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không)

355(V)76+355(V)(09)22/V 13628/V 13629

163. Hoạt động của phòng không nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước và trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. - H. : Quân đội nhân dân, 2010. - 180tr. ; 30cm

355(V)77+355(V)(09)/V 13627

355(V)(09) – Lịch sử lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam

164. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội - 5 năm xây dựng và phát triển (2008 - 2013) / Biên soạn: Nguyễn Đức Hậu, Hoàng Đức Nhuận, Ngô Hoàng Hải. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 284tr. ; 25cm

355(V)(09)/V 13630/V 13631

165. Cục Xe - Máy - Biên niên sự kiện / Phạm Văn Lập chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 518tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

T.2 : 1975 – 1995

355(V)(09)/LC 12415/LC 12416

166. Lịch sử ngành khoa học công nghệ và môi trường Quân khu 4 (1963 - 2013) / Biên soạn: Nguyễn Hữu Bộ, Nguyễn Trọng Hạnh, Bùi Xuân Nghĩa. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 391tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)+355.8/72892/72893/LC 12205

167. Lịch sử Tiểu đoàn Phủ Thông anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 273tr. ; 21cm

355(V)(09)/LC 12203/LC 12204

168. Lịch sử Viện Công nghệ (1973 - 2013) / Nguyễn Anh Đào chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 453tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)/LC 12206/LC 12207

169. Lời trong việc quân / Lê Văn Lan. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 227tr. ; 21cm

355(V)(09)+9(V)1/LC 12369/LC 12370

170. Nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quân sự / Lê Mã Lương chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 276tr. ; 21cm

355(V)(09)+384.5/LC 12214/LC 12215

171. Những miền ký ức: Hồi ký / Tiêu Văn Mẫn. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 310tr. ; 21cm

355(V)(09)/73331/73332

172. The blood road: the Ho Chi Minh trail and the Vietnam war / John Prados. - New York : Wiley, 1998. - 432p. ; 23cm

355(V)(09)22+355(V)09)21/AV 11301

355(V)(092) – Tiểu sử các anh hùng lực lượng vũ trang Việt Nam

173. 48 mùa xuân huyền thoại: Truyện ký viết về cuộc đời Lương quốc tướng quân Nguyễn Sơn - Hồng Thuỷ / Nguyễn Tiến Hải. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 534tr. ; 21cm

355(V)(092)+V24/LC 12408/LC 12409

174. Chân dung vị tướng anh hùng, liệt sĩ Kim Tuấn. - Tái bản, có bổ sung. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 230tr. ; 21cm

355(V)(092)/73294/73295

175. Chị Lê Thị Riêng: Truyện kí / Nguyệt Tú. - In lần thứ 4. - Gia Lai : Hồng Bàng, 2013. - 89tr. ; 21cm

355(V)(092)+V24/73446/73447

176. Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng: Ký sự chân dung / Chi Phan. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 394tr. ; 21cm

355(V)(092)/LC 12346/LC 12347

177. Xứng danh bộ đội Cụ Hồ. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 250tr. ; 21cm

355(V)(092)+V24/73288/73289

355(V)13 – Công tác chính trị của Đảng trong các lực lượng vũ trang Việt Nam

178. Quy định thẩm quyền thi hành kỷ luật về đảng và xem xét thông qua kỷ luật quân đội của các tổ chức đảng các cấp trong quân đội. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 82tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13+3KV3/73306/73307

179. Quy định thẩm quyền thi hành kỷ luật về đảng và xem xét thông qua kỷ luật quân đội của các tổ chức đảng các cấp trong quân đội. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 82tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13+3KV3/LC 12381

180. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh về chính trị trong thời kỳ mới:

Sách chuyên khảo / *Đỗ Mạnh Hoà.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 158tr. ; 21cm

355(V)13+355(V)58/LC 12226/LC 12227

355(V)135 – Công tác văn hóa, giáo dục, thể thao...

181. Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong quân đội giai đoạn 2011 - 2020. -

H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 55tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355(V)135/LC 12386/LC 12387

355(V)5 – Huấn luyện tác chiến của lực lượng vũ trang Việt Nam

182. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhà trường quân đội hiện nay. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 554tr. ; 21cm

355(V)5/LC 12366

183. Giáo án huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 419tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

T.3 : Huấn luyện bắn súng đại liên và súng cối 60mm

355(V)5+355.721/LC 12236/LC 12237

184. Tổ chức tập luyện thể dục sáng - thể thao chiều. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 86tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355(V)53+7A/LC 12234/LC 12235

355(T) – Các lực lượng vũ trang thế giới

185. *The military balance 2013*: the annual assessment of global military capabilities and defence economics. - London : Routledge, 2013. - 572p. ; 25cm

355(T)+33(T)/AV 11315

355.71 – Bộ đội tên lửa

186. *Các hệ thống điều khiển tên lửa*: Tài liệu tham khảo dành cho học viên chuyên ngành thiết chế tạo tên lửa / *Nguyễn Quốc Ân chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 315tr. ; 27cm

355.71(075)/V 13614/V 13615

187. *Cơ sở lý thuyết thiết kế tên lửa có điều khiển được bắn ra từ nòng pháo*: Dành cho đào tạo kỹ sư kỹ thuật quân sự / *Chủ biên: Vũ Nhật Minh, Đặng Ngọc Thanh, Nguyễn Lạc Hồng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 303tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.71(075)/V 13570

188. *Công nghệ sản xuất thuốc phóng và nhiên liệu tên lửa Nitroxenlulo*: Giáo trình dùng cho đào tạo kỹ sư thuốc phóng thuốc nổ. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 286tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.71(075)/V 13586

189. *Một số loại động cơ tên lửa nhiên liệu lỏng*: Tài liệu tham khảo dành cho đào tạo KTQS chuyên ngành Động cơ phản lực và thiết kế chế tạo tên lửa / *Chủ biên: Vũ Nhật Minh, Đặng Ngọc Thanh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 84tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.71(075)/V 13582

355.722 – Bộ đội tăng thiết giáp

190. *A compendium of armaments and military hardware* / *Christopher Chant*. - New York : Routledge, 1987. - 568p. ; 25cm

355.722+355.75/AV 11312

191. *Bảo đảm kỹ thuật Tăng thiết giáp trong tác chiến*: Tài liệu đào tạo sau đại học chuyên ngành Chỉ huy, Quản lý kỹ thuật / *Phí Văn Tuấn chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 96tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.722(075)/V 13571

192. *Cơ sở công tác kỹ thuật tăng thiết giáp*: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học chuyên ngành tăng thiết giáp / *Chủ biên: Trần Huy Hùng, Phí Văn Tuấn,....* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 208tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.722(075)/V 13606/V 13607

355.723 – Bộ đội pháo binh

193. Giáo trình lý thuyết bắn pháo mặt đất: Giáo trình dùng cho đào tạo các chuyên ngành vũ khí / *Mai Quang Huy*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 170tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.723(075)/V 13588

194. Quá trình xung nhiệt của nòng súng pháo: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 168tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.723(075)/V 13587

355.725 – Bộ đội công binh

195. Công tác kỹ thuật công binh khu vực phòng thủ / Chủ biên: Hoàng Ngọc An, Tạ Việt Hưng, Vũ Đình Quyết. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 167tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.725(075)/V 13577

196. Công tác nổ mìn: Giáo trình phục vụ công tác đào tạo kỹ sư thuộc phóng thuốc nổ / *Chủ biên:* Nguyễn Văn Tính, Đàm Trọng Thắng, Trần Hoài Nam. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 237tr. ; 27cm

355.725.5(075)/V 13583

197. Giáo trình nguy trang: Giáo trình dùng cho học viên hệ chính qui và hệ chuyển cấp ngành xây dựng công trình quốc phòng. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 281tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.725.5(075)/V 13585

198. Xe máy vượt sông: Giáo trình dùng cho đào tạo chuyên ngành xe máy công binh / *Nguyễn Viết Tân chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 205tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

Ph.1 : Xe máy bơi vượt sông

355.725.(075)/V 13581

355.78 – Bộ đội biên phòng

199. Đồn Biên phòng Cát Bà - 54 năm xây dựng và trưởng thành (1959 - 2013) / Biên soạn: Đào Kiên Cường, Phạm Ngọc Đua. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 169tr. ; 21cm

Lưu hành nội bộ

355.78/73317/73318

355.9 – Kỹ thuật quân sự và vũ khí

200. Cơ sở thiết kế hệ vũ khí có nòng: Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học / *Nguyễn Hồng Lan chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 117tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)/V 13610/V 13611

201. Giáo trình cơ sở tác chiến điện tử: Giáo trình dùng cho học viên quân sự ngành Điện - Điện tử / *Biên soạn: Vũ Hồng Thanh, Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Huy Hoàng.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 211tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)/V 13562/V 13563

202. Giáo trình đài Ra đa KACTA-2E2: Giáo trình dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành Ra đa / *Trịnh Đăng Khánh chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 344tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)+6T2.4(075)/V 13589

203. Giáo trình phần tử tự động: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học / *Chủ biên: Trương Đăng Khoa, Vũ Đức Trường, Đinh Hồng Toàn.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 234tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)/V 13560/V 13561

204. Giáo trình xử lý và phân tích ảnh trong hệ thống thị giác kỹ thuật / *Phạm Trung Dũng chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 171tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)/V 13574

205. Khí tài tác chiến điện tử P-378A: Dùng cho học viên quân sự ngành điện - điện tử / *Biên soạn: Vũ Hồng Thanh, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Huy Hoàng.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 309tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)/V 13608/V 13609

206. Kỹ thuật viễn thám: Dùng cho học viên quân sự ngành Điện - Điện tử / *Biên soạn: Nguyễn Huy Hoàng, Vũ Hồng Thanh, Nguyễn Văn Hải.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 173tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)+6T9(75)/V 13596/V 13597

207. Những dấu hiệu lộ và các biện pháp phòng chống trình sát tác chiến điện tử: Giáo trình dùng cho học viên quân sự ngành Điện - Điện tử / *Biên soạn: Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Trọng Dân.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 83tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355.9(075)/V 13592/V 13593

- 208. *The encyclopedia of war* / Gordon Martel. - Malden : Wiley-Blackwell, 2012. ; 26cm**
 Vol. I : A – Cr - 652p.
355.9(03)/AV 11304
- Vol. II : Cr – Jo - 587p.
355.9(03)/AV 11305
- Vol. III : Jo – Pa - 491p.
355.9(03)/AV 11306
- Vol. IV : Pa – To - 491p.
355.9(03)/AV 11307
- Vol. V : To – Z - 578p.
355.9(03)/AV 11308

5 – KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

52 – Thiên văn học

- 209. *The physical universe* / Konrad B. Krauskopf, Arthur Beiser. - 13th ed.. - New York : McGraw-Hill, 2010. - 806p. ; 26cm**
523.1+5/AV 11351

53 – Vật lí học

- 210. *Các phương pháp dẫn nhiệt không dừng*: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học / N.M. Belialev, A.A. Riadno' Ng.dịch: Nguyễn Hồng Lanh, Nguyễn Thanh Hải, Khổng Đình Tuy. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 332tr. ; 27cm**
 Lưu hành nội bộ
53(075)+355.9(075)/V 13572
- 211. *Động lực học các cơ cấu phẳng có khe hở*: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 111tr. ; 27cm**
 Lưu hành nội bộ
531.3(075)+355.9(075)/V 13575

5A - NHÂN LOẠI HỌC. GIẢI PHẪU HỌC VÀ SINH LÝ HỌC NGƯỜI

- 212. *Cultural anthropology* / Conrad Phillip Kottak. - 13th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 479p. ; 28cm**
5A1+902.7/AV 11346
- 213. *Anatomy & physiology: the unity of form and function* / Kenneth S. Saladin. - 5th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2010. - 1208p. ; 28cm**
5A2.16+5A2.9/AV 11344

214. *Hole's essentials of human anatomy & physiology* / David Shier, Jackie Butler, Ricki Lewis. - 10th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2006. - 612p. ; 28cm

5A2.16+5A2.9/AV 11345

215. *Human Anatomy* / Kenneth S. Saladin. - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 816p. ; 28cm

5A2.16/AV 11341

61 – Y HỌC. Y TẾ

615 – Bệnh lí học đại chúng

216. *Khí công học và y học hiện đại* / Ngô Gia Hy, Bùi Lưu Yên, Ngô Gia Lương. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2013. - 707tr. ; 22cm

Luyện khí công tăng cường sức khỏe, phòng bệnh và chữa bệnh

615.81/73409/73410

616N – Các bệnh nội khoa

217. *Nội tiêu hoá: Dành cho đại học* / Trần Việt Tú chủ biên. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 375tr. ; 27cm

616N.3 (075)/V 13618/V 13619

619 – Đông y

218. *Bệnh học y học cổ truyền: Dành cho sau đại học* / Trần Quốc Bảo chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 350tr. ; 27cm

619(075)/V 13625/V 13626

219. *Một số vấn đề về biện chứng luận trị trong y học cổ truyền* / Đỗ Đình Long. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 178tr. ; 19cm

619.0/LC 12414

6 - KỸ THUẬT

220. *Using information technology: a practical introduction to computers & communications* / Brian K. William, Stacey C. Sawyer. - 9th ed.. - New York : McGraw-Hill, 2011. - 577p. ; 28cm

6(T)/AV 11335

60 – Các vấn đề kĩ thuật nói chung

221. *Cơ học kỹ thuật: Giáo trình dành cho đào tạo chuyên ngành không chuyên về cơ khí* / Chủ biên: Vũ Công Hàm, Vũ Văn Thế. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 429tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

605(075)+355.9(075)/V 13584

6C – Các ngành công nghiệp

222. Mô phỏng các hệ điện cơ: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học / *Phạm Tuấn Thành chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 370tr. ; 27cm

6C2.1(075)+355.9(075)/V 13580

223. Thí nghiệm thủy khí kỹ thuật: Dùng cho đào tạo kỹ sư kỹ thuật quân sự / *Chủ biên: Nguyễn Trọng Hiếu, Nguyễn Mạnh Hùng.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 49tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6C2.3(075)+355.9(075)/V 13578

224. Thiết bị đúc: Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng chuyên ngành đúc / *Bùi Quang Bính chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 245tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6C4.1(075)+355.9(075)/V 13579

225. Giáo trình thực hành nguyên lý máy: Giáo trình dùng cho đào tạo các chuyên ngành cơ khí / *Vũ Công Hàm.* - H. : Quân đội nhân dân, 2010. - 191tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6C5(075)/V 13617

226. Thiết kế chế tạo khuôn cho sản phẩm nhựa: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học ngành cơ khí và chuyên ngành công nghệ chế tạo máy / *Chủ biên: Dương Quốc Dũng, Nguyễn Trung Thành.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 184tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6C5(075)+355.9(075)/V 13616

6T – Vô tuyến điện tử học

227. Cấu trúc dữ liệu nâng cao: Dùng cho học viên cao học và cán bộ giảng dạy, nghiên cứu lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin của Học viên KTQS / *Nguyễn Mạnh Hùng chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 238tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6T(075)+355.9(075)/V 13602/V 13603

228. FDMA đơn sóng mang (SC-FDMA) trong hệ thống di động 4G LTE: Tài liệu dùng cho đào tạo cao học chuyên ngành kỹ thuật điện tử. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 189tr. ; 27cm

6T(075)/V 13612/V 13613

229. Kỹ thuật trải phổ và ứng dụng: Giáo trình dùng cho đào tạo cao học chuyên ngành Kỹ thuật điện tử / *Chủ biên: Đỗ Quốc Trinh, Vũ Thanh Hải.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 155tr. ; 27cm

6T(075)/V 13604/V 13605

230. Báo hiệu trong mạng viễn thông: Giáo trình dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành thông tin và điện tử viễn thông / *Chủ biên: Phạm Xuân Nghĩa, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Văn Giáo.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 399tr. ; 27cm

6T1(075)/V 13598/V 13599

231. Cơ sở kỹ thuật thông tin vô tuyến: Giáo trình dùng cho đào tạo kỹ sư điện tử - viễn thông / *Chủ biên: Trần Văn Khẩn, Đỗ Quốc Trinh, Đinh Thế Cường.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 209tr. ; 27cm

6T1.3+355.9(075)/V 13576

232. Cơ sở điều khiển tối ưu trong các hệ thống kỹ thuật: Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học / *Biên soạn: Phạm Trung Dũng, Vũ Xuân Đức.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 116tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6T6(075)/V 13590/V 13591

233. Tự động hoá thiết kế với VHDL: Giáo trình dùng cho đào tạo đại học / *Đỗ Đình Nghĩa chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 145tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

6T7(075)+355.9(075)/V 13573

234. An toàn và bảo mật hệ thống thông tin: Tài liệu phục vụ cho công tác tham mưu chỉ huy kỹ thuật / *Phạm Việt Trung.* - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 225tr. ; 26cm

Lưu hành nội bộ

6T7.3-018.9+355.726/V 13622/V 13623

235. Tác động của Internet đến quan hệ quốc tế: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / *Hoàng Quốc Việt.* - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 81tr. ; 29cm

6T7.3-083.1+327/LAV 7099

236. The 2013-2018 outlook for defense robotics in greater China / Philip M. Parker. - San Bernardino : ICON Group International, 2012. - 144p. ; 23cm

6T0.1(N414)+355(N414)9/AV 11322

237. Military laser technology for defense / Alastair D. McAulay. - Hoboken : Wiley, 2011. - 305p. ; 24cm

6T1.6/AV 11300

238. Practical MDX queries for microsoft for SQL server analysis services 2008 / Art Tennick. - New York : McGraw-Hill, 2010. - 269p. ; 23cm

6T7.3-018.1/AV 11362

239. SLQ: the complete reference / Paul Weinberg, James Groff, Andrew Oppel. - 3rd ed.. - New York : McGraw-Hill, 2010. - 882p. ; 23cm

6T7.3-018.1/AV 11354

8 - NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

240. Thi nhân Việt Nam (1932 - 1941) / Hoài Thanh, Hoài Chân. - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 395tr. ; 21cm. - (Tủ sách tinh hoa văn học)

8(V)1/73420/73421

241. Thi pháp tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng / Nguyễn Thành. - H. : Văn học, 2013. - 317tr. ; 21cm

8(V)1/73310

242. Nguyễn Anh Nông - Đi từ miền lá cỏ: Tiểu luận, phê bình / Đỗ Thị Thu Huyền tuyển chọn. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 272tr. ; 21cm

8(V)2+V25/LC 12344/LC 12345

243. Văn chương và nhân cách Võ Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2013. - 223tr. ; 21cm

8(V)2+V24/73412/73413

9 - LỊCH SỬ

244. Quan hệ Trung - Nhật và tác động đến an ninh khu vực Đông Bắc Á từ sau chiến tranh lạnh đến nay: Luận văn thạc sĩ: 60.31.02.06 / Nguyễn Thị Thảo. - H. : Học viện Ngoại giao, 2012. - 85tr. ; 29cm

9:327/LAV 7101

245. Một số nhà sử học Việt Nam - Cuộc đời và sự nghiệp / Vũ Thanh Sơn. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 243tr. ; 21cm

9(V)(092)/LC 12220/LC 12221

246. Truyền thuyết về những người mở cõi / Hoàng Khôi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2013. - 231tr. ; 21cm

9(V)(092)+KV4/73428/73429

247. Đại Việt thông sử / Lê Quý Đôn; Ngô Thế Long dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 330tr. ; 21cm. - (Cảo thơm trước đèn)

Q.1

9(V)1+9(V)(092)/73414/73415

248. Người giao chỉ có quan hệ như thế nào với tổ tiên chúng ta ngày nay / Trần Ngọc Bình. - H. : Văn hóa Thông tin, 2013. - 127tr. ; 21cm

9(V)1/73399/73400

249. 100 câu hỏi - đáp về biển, đảo: Dành cho tuổi trẻ Việt Nam. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2013. - 254tr. ; 21cm

91(V)+341.16/73405/73406

250. Sổ tay tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh / Lê Trung Hoa, Nguyễn Đình Tư. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2013. - 371tr. ; 15cm

91(VT2)/73411

251. Địa bàn Ma Cao: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Trần Bá Dũng chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 554tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N414.2)+355(N414.2)/V 13634/V 13635

252. Địa bàn Đài Loan: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Đặng Trí Dũng chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 626tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N414.3)+355(N414.3)/V 13640/V 13641

253. Địa bàn Malaysia: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Phan Việt Anh chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 516tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N446)+355(N446)/V 13646

254. Địa bàn Philippines: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Vũ Tiến Trọng chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 430tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N447)+355(N447)/V 13647/V 13648

255. Địa bàn Ấn Độ: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Dương Xuân Vinh chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 783tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N461)+355(N461)/V 13642

256. Địa bàn Pakistan: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Nguyễn Chí Thành chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 640tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N466)+355(N466)/V 13638/V 13639

257. Địa bàn Israel: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Bùi Xuân Khiển chủ biên*. - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 704tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N486)+355(N486)/V 13636/V 13637

258. Địa bàn U-Crai-na: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Phạm Ngọc Hùng chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 559tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N519.2)+355(N519.2)/V 13643

259. Địa bàn Pháp: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Hà Ngọc Quỳnh chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2011. - 819tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N522)+355(N522)/V 13644/V 13645

260. Địa bàn Canada: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học tình báo Quốc phòng / *Nguyễn Minh Tân chủ biên.* - H. : Quân đội nhân dân, 2012. - 708tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

91(N772)+355(N772)/V 13632/V 13633

261. Di cư của người Hmông từ đổi mới đến nay: Sách chuyên khảo / *Đậu Tuấn Nam.* - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 202tr. ; 21cm

902.7(V)/73361/73362

262. Người Kor ở Việt Nam= The Kor in Vietnam. - H. : Thông tấn, 2013. - 183tr. ; 20cm.

902.7(V)/73452/73453

263. New and old wars: Organized violence in a global era / *Mary Kaldor.* - 3rd ed.. - Malden : Polity, 2012. - 268p ; 23cm

9(T)/AV 11294

264. Causes of war / *Jack S. Levy; William R. Thompson.* - Malden : Wiley-Blackwell, 2010. - 281p. ; 23cm

9(T)72+9(T)322/AV 11293

265. Readings in the Western humanities / *Roy T. Matthews, F. DeWitt Platt.* - 6th ed. . - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 368p. ; 28cm

Vol. II

9(N)/AV 11338

266. War & conflict in Africa / *Paul D. William.* - Malden : Polity, 2011. - 306p. ; 25cm

9(N6)+355(N6)/AV 11299

267. America's history / *James A. Henretta, David Brody, Lynn Dumenil.* - 6th ed.. - Boston : Bedford, 2008. - 1252p. ; 28cm

9(N711)/AV 11340

- 268. *The unfinished nation*:** A concise history of the American people / *Alan Brinkley*. - 5th ed.. - Boston : McGraw-Hill, 2008. - 596p ; 23cm
Vol. 2: From 1865
9(N711)/AV 11355
- 269. *U.S: a narrative history*** / *James West Davidson, Brian DeLay....* - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 380p. ; 28cm
9(N711)/AV 11347
- 270. *U.S: a narrative history*** / *James West Davidson, Brian DeLay....* - Boston : McGraw-Hill, 2009. - 410p. ; 28cm
Vol. 2
9(N711)/AV 11349
- 271. *Oceania: a regional study*** / *Frederica M. Bunge, Melinda W. Cooke*. - 2nd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1984. - 572p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(T91)+32(T91)/AV 11326
- 272. *Persian Gulf states: country studies*** / *Helen Chapin Metz*. - 3rd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1994. - 472p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(T92)+32(T92)/AV 11329
- 273. *Singapore: a country study*** / *Barbara Leitch LePoer*. - 2nd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1991. - 328p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N445)+32(N445)/AV 11330
- 274. *Romania: a country study*** / *Ronald D. Bachman*. - 2nd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1991. - 356p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N514)+32(N514)/AV 11333
- 275. *Albani: a country study*** / *Raymond Zickel, Walter R. Iwaskiw*. - 2nd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1994. - 288p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N516)+32(N516)/AV 11325
- 276. *Finland: a country study*** / *Eric Solsten, Sandra W. Meditz*. - 2nd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1990. - 446p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N541)+32(N541)/AV 11334
- 277. *Algeria: a country study*** / *Helen Chapin Metz*. - 5th ed.. - San Bernardino : Amazon, 1994. - 342p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N614)+32(N614)/AV 11327
- 278. *Somalia: a country study*** / *Harold D. Nelson*. - 3rd ed.. - San Bernardino : Amazon, 1982. - 346p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N623)+32(N623)/AV 11331

**279. *Nigeria*: a country study / Helen Chapin Metz. - 5th ed.. - San Bernardino : Amazon, 1992. - 394p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N644)+32(N644)/AV 11328**

**280. *Panama*: a country study / Sandra W. Meditz, Dennis M. Hanratty. - 4th ed.. - San Bernardino : Amazon, 1989. - 338p. ; 23cm. - (Area handbook series)
91(N737)+32(N737)/AV 11332**

V – TÁC PHẨM VĂN HỌC

V1 - TPVH Việt Nam trước 1945

**281. *Giông tố*: Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Hồng Đức, 2013. - 383tr. ; 19cm
V13/73442/73443**

**282. *Số đỏ*: Tiểu thuyết / Vũ Trọng Phụng. - H. : Hồng Đức, 2012. - 323tr. ; 19cm
V13/73440/73441**

V2 - TPVH Việt Nam sau 1945

**283. *Áo và thực*: Thơ / Nguyễn Bá Khiên. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 126tr. ; 19cm
V21/LC 12400/LC 12401**

**284. *Gần lắm Trường Sa*: Thơ / Gia Dũng biên soạn. - H. : Văn học, 2013. - 120tr. ; 21cm
V21/73416/73417**

**285. *Lời khuya*: Thơ / Nguyễn Viết Mão. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 170tr. ; 21cm
V21/LC 12232/LC 12233**

**286. *Người sau chân sóng*: Trường ca / Lê Thị Mây. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 170tr. ; 21cm
V21/LC 12402/LC 12403**

**287. *Trăng nghiêng phố núi*: Thơ / Nguyễn Thanh Tùng. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 88tr. ; 19cm
V21/LC 12379/LC 12380**

**288. *Trăng sắc lính*: Thơ / Lão Chu. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 71tr. ; 20cm
V21/LC 12212/LC 12213**

**289. *Vé trở về*: Thơ / Văn Lê. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 80tr. ; 21cm
V21/LC 12412/LC 12413**

**290. *Bê trọc*: Tiểu thuyết / Phạm Việt Long. - H. : Dân trí, 2013. ; 21cm
T.1 : Vượt Trường Sơn - Ở căn cứ - 258tr.
V23/73423**

T.2 : Về đồng bằng - 299tr.
V23/73424

T.3 : Đi tới toàn thắng - 366tr.
V23/73425

291. *Bông dẻ dầm sương*: Tập truyện ngắn / *Chu Thị Minh Huệ*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 204tr. ; 19cm
V23/LC 12208/LC 12209

292. *Cánh chim kiêu hãnh*: Tiểu thuyết / *Đỗ Bích Thuý*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 190tr. ; 19cm
V23/LC 12398/LC 12399

293. *Chuyện tình người lính biển*: Tập truyện ngắn. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 227tr. ; 21cm
V23/LC 12210/LC 12211

294. *Chuyện tình trong chiến tranh*: Tập truyện ngắn. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 232tr. ; 21cm
T.2
V23/73304/73305

295. *Chuyện vui kháng chiến* / *Nguyễn Phúc Ám sưu tầm, biên soạn*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 181tr. ; 20cm
V23/LC 12228/LC 12229/73278/73279

296. *Đá đen & máu đỏ*: Tiểu thuyết / *Cao Tuyết Minh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 302tr. ; 19cm
V23/LC 12384/LC 12385

297. *Đất hồi sinh*: Tiểu thuyết / *Hoàng Minh Nhân*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 226tr. ; 21cm
Kỷ niệm 35 năm ngày đất nước Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng
V23/LC 12342/LC 12343

298. *Hoa cải ngồng*: Tập truyện ngắn / *Vũ Xuân Tửu*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 210tr. ; 19cm
V23/LC 12373/LC 12374

299. *Hoàng phi Nguyễn Thị Kim*: Tiểu thuyết dã sử / *Nguyễn Duy Hợp, Phạm Thuận Thành*. - H. : Văn học, 2013. - 159tr. ; 21cm
V23/73418/73419

300. *Những miền thương nhớ*: Tiểu thuyết / *Hoàng Bình Trọng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 199tr. ; 21cm

V23/73337/73338/ LC 12348/LC 12349

301. Nợ tình hay nợ dòng sông: Tiểu thuyết / *Nguyễn Hoàng Khánh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 254tr. ; 21cm

V23/73325/73326

302. Phác họa một tình yêu: Tập truyện ngắn / *Nguyễn Trọng Văn*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 186tr. ; 21cm

V23/LC 12388/LC 12389

303. Phái viên Bộ Tổng: Tiểu thuyết / *Tô Đức Chiêu*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 291tr. ; 21cm

V23/73319/73320/LC 12326/LC 12327

304. Tình yêu người lính / *Nguyễn Phúc Âm sưu tầm, biên soạn*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 195tr. ; 19cm

V23/73282/73283/LC 12377/LC 12378

305. Trường ca sông Mã: Tiểu thuyết / *Nguyễn Ngọc Sính*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 207tr. ; 19cm

V23/LC 12230/LC 12231

306. Chuyện của một người lính Cụ Hồ: Hồi ký / *Nguyễn Sĩ Hạc*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 187tr. ; 21cm

V24/73323/73324

307. Dọc miền ký ức: Bút ký / *Lê Văn Vọng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 174tr. ; 19cm

V24/LC 12394/LC 12395

308. Hồn quê: Tập ký / *Xuân Tuynh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 212tr. ; 21cm

V24/LC 12334/LC 12335

309. Hun hút Săm Pun: Tập bút ký / *Nguyễn Mạnh Hùng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 203tr. ; 19cm

V24/73276/73277

310. Nắng Nghi Sơn: Bút ký / *Lê Đình Cánh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 214tr. ; 21cm

V24/LC 12218/LC 12219

311. Người quê: Tập bút / *Nguyễn Hoàng Sáu*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 206tr. ; 20cm

V24/LC 12396/LC 12397

312. Nhật ký Nguyễn Xuân Ninh / *Nguyễn Xuân Ninh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 198tr. ; 19cm

V24/73284/73285/ V24/LC 12382/LC 12383

313. *Sắc nắng rừng thiêng*: Ký / *Nguyễn Văn Hạnh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 190tr. ; 21cm

V24/LC 12392/LC 12393

314. *Thăm thăm biên cương*: Truyện ký / *Nguyễn Văn Hồng*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 285tr. ; 21cm

Kỷ niệm 35 năm ngày đất nước Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng (1979-2014)

V24/LC 12336/LC 12337

315. *Thời đàm*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 192tr. ; 19cm

V24/LC 12406/LC 12407

316. *Thời quân ngũ - Những kỷ niệm sâu sắc*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 251tr. ; 21cm

V24+355(V)(09)/LC 12328/LC 12329

317. *Tự hào được cống hiến tuổi xuân* / *Lâm Quang Minh*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 228tr. ; 21cm

V24/LC 12338/LC 12339

318. *Gom nhật sau mùa*: Tập văn / *Lâm Hoàn*. - H. : Quân đội nhân dân, 2013. - 146tr. ; 21cm

V25/LC 12404/LC 12405

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. 40 năm đã trôi qua, cuộc chiến trên không của Không quân nhân dân Việt Nam đánh trả không quân Mỹ, bảo vệ bầu trời miền Bắc Việt Nam trong những năm 1965-1973 vẫn là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các cựu phi công tham chiến và nhiều độc giả. Tại Mỹ đã có tới hàng trăm cuốn sách và hồ sơ về cuộc chiến tranh trên không ở Việt Nam được công bố. Trong khi đó, về phía Việt Nam, các tài liệu lưu trữ và tổng kết chủ yếu chỉ lưu hành nội bộ, chưa có cuốn sách nào về giai đoạn lịch sử oai hùng này được công bố.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của đông đảo độc giả, nhóm cựu cán bộ, phi công, trong đó có người từng trực tiếp tham gia chiến đấu đã biên soạn cuốn sách **“Các trận không chiến trên bầu trời miền Bắc Việt Nam (1965-1973)”** với mong muốn góp thêm một cách nhìn, cung cấp cho độc giả thông tin đa chiều để hiểu rõ hơn từng trận không chiến từ nhiều góc độ, đồng thời góp phần tôn vinh chiến thắng oanh liệt của Không quân nhân dân Việt Nam.

Các số liệu, nhận định và phân tích về các trận không chiến ở Việt Nam giai đoạn 1965-1973 được trình bày trong cuốn sách là kết quả nghiên cứu, tổng hợp ban đầu từ nhiều nguồn tài liệu, với các nhận định, đánh giá khác nhau, đôi khi trái ngược nhau, với mong muốn của nhóm tác giả là góp thêm một cách tiếp cận và cung cấp những thông tin hữu ích cho các nhà nghiên cứu lịch sử chiến tranh và bạn đọc.

Sách do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành năm 2013, gồm hai tập:

Tập 1 gồm 3 chương, viết về các trận đánh trong các năm từ 1965 - 1967

Tập 2 gồm 4 chương viết về các trận đánh trong các năm 1968 – 1972, đặc biệt là Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”.

2. Cuốn sách **“Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng”** là tác phẩm thuộc thể loại ký sự chân dung nhân vật, viết về một con người đã trở thành huyền thoại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX: Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Anh Văn – người anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam. Tác giả cuốn sách, Đại tá, Nghệ sĩ ưu tú, Nhà văn, nhà báo Chi Phan, người đã từng có mối quan hệ khá thân tình với những người thân trong gia đình Đại tướng, do tính chất nghề nghiệp, được tiếp xúc với nhiều người, được nghe kể lại nhiều câu chuyện, kỷ niệm của những người thân yêu, đồng chí đồng đội, đồng bào - những người từng may mắn có cơ hội làm việc, tiếp xúc, gặp gỡ Đại tướng. Ông đã dày công ghi chép, sưu tầm tập hợp các hồi ức và cả những bài thơ ca ngợi Đại tướng.

Trong cuốn ký sự này, tác giả không đi sâu vào hình ảnh nhà cách mạng lỗi lạc hay một thiên tài quân sự mà chủ yếu tập trung lựa chọn giới thiệu những mẫu chuyện, những chi tiết theo góc độ khá riêng tư, tập trung phản ánh con người của Đại tướng trong sinh hoạt đời thường đối với gia đình, vợ con, làng xóm, đối với đồng đội, bạn bè quốc tế, đặc biệt là đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã phát hiện và bồi dưỡng ông trở thành vị tướng huyền thoại, vị tướng của nhân dân.

Văn phong khá linh hoạt, lúc thì kể chuyện, lúc miêu tả, tường thuật hay trích dẫn nhưng tựu trung đều nhằm mục đích phản ánh đức độ, tài năng, cống hiến của Đại tướng. Cho dù ở góc độ mang tính cá nhân nhất thì chân dung Đại tướng hiện lên qua những trang viết về cuộc sống đời thường rất bình dị, thân thương, gần gũi nhưng vẫn toát lên cốt cách của một vĩ nhân, một con người đạo đức mẫu mực, trí tuệ uyên bác, văn võ toàn tài.

Sách dày 394 trang, do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành năm 2013. Bên cạnh những trang hồi ức, phần phụ lục chọn lọc giới thiệu một số bài thơ ca ngợi Đại tướng Võ Nguyên Giáp của các cựu chiến binh, thương binh, quân nhân, nhân dân, các văn sĩ, trí thức... trong và ngoài nước.

Nhận xét về tác phẩm, Nguyên Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu viết: *Cuốn sách “Chuyện thường ngày của Võ Đại tướng” có tác dụng góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, đạo đức lối sống tốt đẹp cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam.*

3. Đã có một số đầu sách viết về tướng Nguyễn Sơn như “*Tướng Nguyễn Sơn*”, “*Nguyễn Sơn - Lưỡng quốc tướng quân*”, “*Nguyễn Sơn - Vị tướng huyền thoại*”, “*Nguyễn Sơn - một vị tướng, một nhân cách*”, nhưng những cuốn sách nói trên chủ yếu tập hợp các mẫu chuyện hoặc các tham luận khoa học về vị tướng huyền thoại này. Mong muốn có một tác phẩm tương đối trọn vẹn về cuộc đời của tướng Nguyễn Sơn, Đại tá, nhà văn Nguyễn Tiến Hải tiến hành sưu tầm tư liệu qua các nhà nghiên cứu lịch sử, nhà văn, nhà báo và nhân dân, đặc biệt với sự cộng tác, cung cấp tư liệu của gia đình đã cho ra đời cuốn truyện ký “**48 mùa xuân huyền thoại**”. Cuốn sách phác họa lại toàn bộ cuộc đời huyền thoại, độc đáo của vị Lưỡng quốc tướng quân trong 48 năm ngắn ngủi, qua đó góp phần khẳng định rằng: giá trị thiêng liêng của mỗi con người, mỗi cuộc đời là sự cống hiến hết mình cho Tổ quốc, cho nhân dân ... Sách được bố cục theo trình tự thời gian với 4 phần, 38 chương:

Phần 1: *Cuộc trường chinh lịch sử*, nội dung chủ yếu kể về thời gian tham gia đấu tranh cách mạng tại Trung Quốc của Lưỡng quốc tướng quân

Phần 2: *Dằng dặc miền Trung*, kể về thời gian Lưỡng quốc tướng quân tham gia kháng chiến chống Pháp tại Nam bộ và Liên khu IV

Phần 3: *Lưỡng quốc tướng quân*, kể về thời gian tướng Nguyễn Sơn trở lại Trung Quốc với nhiều trọng trách trong hàng ngũ cách mạng.

Phần 4: *Thực hiện lời di nguyện*, kể về sự đoàn tụ đại gia đình ...

Sách do nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành, năm 2013, dày 534 trang.

4. Tham nhũng là một hiện tượng xã hội gắn liền với sự tồn tại của quyền lực công. Trong quá trình thực thi các chức năng, nhiệm vụ, một bộ phận cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao nhằm trục lợi cá nhân, thực hiện hành vi tham nhũng. Tham nhũng đã trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự tồn vong của chế độ.

Cuốn sách **“Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn”** (*Sách chuyên khảo*) do Tiến sĩ Nguyễn Quốc Bửu, khoa Nhà nước và Pháp luật thuộc Học viện Hành chính biên soạn, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật xuất bản năm 2013. Nội dung cuốn sách đề cập tương đối toàn diện và hệ thống, phân tích để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về tham nhũng, phòng chống tham nhũng trong hoạt động công vụ ở Việt Nam, trên cơ sở đó tác giả gợi mở những định hướng, đề xuất các giải pháp đảm bảo nâng cao hiệu quả trong thực tiễn của công tác phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ một cách hiệu quả.

Sách cung cấp cho bạn đọc, đặc biệt là sinh viên, học viên chuyên ngành hành chính, pháp luật, chính trị những thông tin hữu ích trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

5. Ở Trung Quốc, tư tưởng quan trọng về việc nhìn nhận, đánh giá và sử dụng nhân tài khoa học đang trở thành vấn đề rất được xã hội quan tâm. Xác lập vững chắc quan điểm nhân tài là nguồn tài nguyên số 1, ưu tiên phát triển nhân tài là con đường phát triển khoa học hiệu quả nhất, “lấy sử dụng làm gốc” là phương châm quan trọng để phát triển công tác nhân tài và được xem là quan trọng và lâu dài của Trung Quốc.

Cuốn sách **“Nhân tài - Nguồn tài nguyên số 1”** được dịch từ nguyên bản tiếng Trung, do tập thể tác giả biên soạn cùng các học giả, chuyên gia nổi tiếng của Trung Quốc tham gia thẩm định, Nhà xuất bản nhân dân Giang Tô xuất bản. Nội dung đi sâu phân tích quan điểm phát triển nhân tài một cách khoa học, đề cập cách thực hiện tốt chiến lược bồi dưỡng, phát triển và sử dụng nhân tài, ý nghĩa chiến lược của quan điểm nhân tài, vai trò, tầm quan trọng của chiến lược này trong chiến lược phát triển tổng thể quốc gia của Trung Quốc.

Đây là tài liệu có giá trị tham khảo kinh nghiệm trong công tác phát triển nhân tài, bổ ích cho quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Sách do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật ấn hành năm 2013, dày 310 trang.

6. **“Học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”** là công trình của ba tác giả gồm Thiếu tướng giáo sư Bùi Phan Kỳ (Chủ biên), Đại tá, PGS.TS. Bùi Đình Bôn, Trung tướng, GS.TS. Đỗ Trình. Cuốn sách đi sâu nghiên cứu cơ bản về học thuyết quân sự Việt Nam với mục đích bước đầu làm sáng tỏ những nội dung chủ yếu của Học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Để thực hiện mục tiêu đó, nhóm tác giả tập trung giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, bước đầu làm sáng tỏ khái niệm “Học thuyết quân sự Việt Nam”, nội hàm cơ bản và nét riêng của nó.

Hai là, luận giải sự hình thành và phát triển những nội dung chủ yếu của học thuyết quân sự Việt Nam trước thời đại Hồ Chí Minh.

Ba là, phân tích, làm rõ sự kế thừa, phát triển và nâng lên một tầm cao mới của Học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh và yêu cầu phát triển của Học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Tài liệu góp phần vào việc nghiên cứu lý luận quân sự của Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, phản ánh những nét riêng của tư duy chỉ đạo sự nghiệp cứu nước và giữ nước của dân tộc. Sách dày 466 trang, do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2013, được dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu giảng dạy các môn lý luận quân sự, làm cơ sở cho việc xác định đường lối chính sách quân sự, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.